

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 20-01-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần P (có mặt)

Trú tại: ấp T xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Ông Lê Văn H (vắng mặt)

Trú tại: ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn ông Trần P trình bày: Từ năm 2014 ông P có cho ông H vay tiền nhiều lần. Đến ngày 01/01/2020 ông P và ông H làm hợp đồng vay nợ số tiền 180.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất mỗi tháng ông H trả 3.000.000 đồng. Ông H đã trả được 30.000.000 đồng tiền gốc. Từ ngày 01/01/2021 đến nay ông H không trả vốn và lãi. Nguyên đơn yêu cầu ông Lê Văn H trả 150.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định từ ngày 01/01/2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn đã ghi địa chỉ nơi cư trú của bị đơn tại ấp P, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang theo địa chỉ được ghi trong “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” của bị đơn. Trường hợp bị đơn thay đổi địa chỉ gắn với việc thực hiện với quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi suất, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nguyên đơn khởi kiện đã cung cấp được văn bản “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 01/01/2020 do ông H là người vay của ông P số tiền 180.000.000 đồng. Ông P cho rằng ông quá trình vay ông H trả 30.000.000 đồng, còn nợ lại 150.000.000 đồng. Và tại biên bản hòa giải ở xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang ông H cũng thừa nhận còn nợ ông P 150.000.000 đồng, yêu cầu ông P bớt 10.000.000 đồng và xin được trả làm 03 lần: lần một, ngày 11/02/2021 trả 40.000.000 đồng, lần hai, ngày 11/5/2021 trả 50.000.000, lần ba, ngày 11/8/2021 trả 50.000.000 đồng. Nhưng đến nay ông H chưa thanh toán tiền cho ông P là vi phạm thỏa thuận trả nợ, nên ông H phải trả cho ông P 150.000.000 đồng.

[4] Đối với số tiền lãi, thấy rằng tại văn bản ngày 01/01/2020 các bên đương sự không thỏa thuận lãi suất cụ thể là bao nhiêu, chỉ thỏa thuận là “*Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay*”. Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Đối chiếu mức lãi suất tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất trường hợp này được tính 10%/năm. Từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ 01/01/2021 đến ngày 20/01/2022 (ngày

xét xử sơ thẩm) là 01 năm 19 ngày. Tiền lãi bị đơn phải trả là 150.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 19 ngày = 15.791.600 đồng. Tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 165.791.600 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu phần án phí có giá ngạch là 165.791.600 đồng x 5% = 8.289.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần P

Buộc ông Lê Văn H phải trả cho ông Trần P 165.791.600 đồng (nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 15.791.600 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn H phải chịu 8.289.500 đồng. Hoàn trả lại cho ông Trần P 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0010053 ngày 04/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Ngô Huỳnh